

Số: 582/BC-UBND

Cầu Kè, ngày 11 tháng 10 năm 2023

**BÁO CÁO**

**Kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu về Sản xuất đến năm 2023 đối với xã Thạnh Phú,  
huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh**

Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 20/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 319/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định xã nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố và thu hồi Quyết định công nhận địa phương đạt chuẩn nông thôn mới, đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị quyết 04-NQ/TU ngày 20/7/2021 của Tỉnh ủy “Về xây dựng tỉnh Trà Vinh đạt chuẩn nông thôn mới trước năm 2025”;

Căn cứ Quyết định số 1416/QĐ-UBND ngày 28/7/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 1417/QĐ-UBND ngày 28/7/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh Ban hành bộ tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Kế hoạch số 22/KH-BCĐ ngày 17/4/2023 của Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia và phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021 - 2025 triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Trà Vinh năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 815/QĐ-UBND, ngày 09/12/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Cầu Kè về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện Cầu Kè giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Kế hoạch số 53/KH-BCĐ, ngày 19/5/2023 của Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia và phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống

văn hóa huyện Cầu Kè giai đoạn 2021 - 2025 triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới huyện Cầu Kè năm 2023;

Xét tờ trình số 125/TTr-UBND ngày 05/10/2023 của Ủy ban nhân dân xã Thạnh Phú về việc thẩm tra, xét, công nhận xã Thạnh Phú đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu năm 2023;

Căn cứ kết quả thẩm tra, đánh giá cụ thể thực tế mức độ đạt từng tiêu chí nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn xã Thạnh Phú, UBND huyện Cầu Kè báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu về Sản xuất đến năm 2023 đối với xã Thạnh Phú, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh, cụ thể như sau:

## **I. KẾT QUẢ THẨM TRA**

Thời gian thẩm tra từ ngày 10/10/2023 đến ngày 24/10/2023.

### **1. Về hồ sơ:** Gồm các văn bản sau:

a/ Tờ trình số 125/TTr-UBND ngày 05/10/2023 của UBND xã Thạnh Phú về việc thẩm tra, xét, công nhận xã Thạnh Phú đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu năm 2023 (bản chính, theo mẫu);

b/ Báo cáo kết quả xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn xã (bản chính, kèm theo biểu chi tiết kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới);

c/ Báo cáo tổng hợp ý kiến tham gia của các tổ chức chính trị - xã hội của xã và nhân dân trong xã về kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới kiểu mẫu của xã (bản chính, theo Mẫu);

d/ Biên bản cuộc họp (gồm các thành viên Ban Quản lý xã, các Ban Phát triển ấp) đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu (bản chính, theo Mẫu);

đ/ Báo cáo tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã (bản chính);

e/ Hình ảnh minh họa về kết quả xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu của xã.

### **2. Về kết quả chỉ đạo thực hiện xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu**

Sau khi được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2020, xã Thạnh Phú tiếp tục thực hiện nâng chất theo Căn cứ Quyết định số 319/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định xã nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2021 - 2025; UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1417/QĐ-UBND ngày 28/7/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021 - 2025;

Thực hiện Nghị quyết năm 2023 của Huyện ủy, Đảng ủy ban hành Nghị quyết số 12/NQ-ĐU ngày 02/02/2023 của BTV Đảng ủy, nghị quyết chuyên đề xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu và kế hoạch số 10/KH-UBND về xây dựng xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu năm 2023.

Đảng ủy - Ủy ban nhân dân xã, Ban chỉ đạo xã thường xuyên rà soát các tiêu chí nông thôn mới nâng cao để có giải pháp nâng cao chất lượng các tiêu chí đã đạt và có giải pháp thực hiện các tiêu chí đạt còn thấp, nên trong năm 2023, một số tiêu chí nông thôn mới nâng cao được nâng lên như: Giao thông các đường đal liên ấp, ngõ xóm được đầu tư xây dựng, các công trình cầu nông thôn được xây dựng, kênh thủy lợi được đầu tư nạo vét, đèn đường, khu thể thao, công tác thu gom xử lý rác thải được quan tâm...; phát triển sản xuất từng bước có liên kết chuỗi giá trị. Góp phần hoàn thành các tiêu chí nông thôn mới kiểu mẫu năm 2023.

3. Xã Thạnh Phú đã công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2020 tại Quyết định số 707/QĐ-UBND ngày 13/7/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc công nhận xã Thạnh Phú, huyện Cầu Kè đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2020. Qua rà soát theo Quyết định 1306/QĐ-UBND ngày 13/7/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh, xã tự đánh giá và được UBND huyện thẩm tra đạt 19/19 tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao.

#### **4. Về thu nhập bình quân đầu người của xã**

Năm 2023, thu nhập bình quân đầu người của xã là 76,543 triệu đồng/người/năm.

#### **5. Về mô hình ấp thông minh**

Mô hình ấp thông minh tại ấp 2, xã Thạnh Phú.

#### **6. Về kết quả thực hiện và mức độ đạt chuẩn các tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu về Sản xuất**

Tổng số tiêu chí nông thôn mới kiểu mẫu của xã Thạnh Phú tổ chức tự đánh giá đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu theo quy định là: Xã hoàn thành 4/4 tiêu chí chung và tiêu chí kiểu mẫu về sản xuất, đạt 100%, cụ thể:

##### **6.1. Tiêu chí 1: Mô hình ấp thông minh**

###### **a) Yêu cầu của tiêu chí**

- Chỉ tiêu 1: Có mô hình kinh tế được thực hiện tự động hóa từ 80% trở lên các công đoạn hoặc mô hình sản xuất nông nghiệp có hệ thống tưới tự động theo hướng tuần hoàn.

- Chỉ tiêu 2: Người dân tiếp cận được thông tin (về chủ trương, chính sách, an ninh trật tự, khoa học kỹ thuật, thủ tục hành chính, hoặc tiền điện, nước,...) trên app điện thoại thông minh, Cổng thông tin điện tử tỉnh Trà Vinh, mạng xã hội chính thống ( $\geq 80\%$ ).

- Chỉ tiêu 3: Ít nhất 90% hộ dân thanh toán tiền điện hoặc tiền nước không bằng tiền mặt hoặc ít nhất 80% hồ sơ được nộp trực tuyến.

###### **b) Kết quả thực hiện**

- Chỉ tiêu 1: Ấp 2, xã Thạnh Phú có mô hình sản xuất nông nghiệp được các hộ dân sử dụng máy chế xít thuốc và tưới phân động cơ, máy tưới nước động cơ... góp phần giảm công lao động đem lại hiệu quả kinh tế cao. Nhìn chung các khâu sản xuất nông nghiệp trên địa bàn ấp được cơ giới hóa trên 90%; Nhằm từng bước đưa các mặt hàng nông sản ra thị trường đảm bảo an toàn, chất lượng.

- Chỉ tiêu 2: Đến thời điểm hiện tại, trên địa bàn ấp 2 có 1527/1780, chiếm 85,78% người dân sử dụng thiết bị điện tử thông minh như điện thoại di động, máy tính bảng, laptop... Thông qua đó, người dân có thể tiếp cận được thông tin về chủ trương, chính sách, ANTT, kỹ thuật, thủ tục hành chính, hoặc tiền điện, tiền nước... trên app điện thoại thông minh, cổng thông tin điện tử Trà Vinh, mạng xã hội chính thống.

- Chỉ tiêu 3: Hiện tại trên địa bàn ấp 2 có 355/383 (chiếm 92,7%) số hộ dân sử dụng điện thoại và thiết bị điện tử thông minh có cài đặt các app như ZaloPay, Viettel Pay, Momo... có triển khai để người dân đăng ký và thông qua đó người dân thực hiện thanh toán hóa đơn tiền điện không bằng tiền mặt đạt 92,7%.

\* Tổng kinh phí thực hiện: 4,35 tỷ đồng. Trong đó:

- Huy động Doanh nghiệp, mạnh thường quân: 0,65 tỷ đồng;

- Nhân dân đóng góp: 3,7 tỷ đồng.

**c) Tự đánh giá:** Đạt tiêu chí về Mô hình ấp thông minh.

## **6.2. Tiêu chí số 2 về Sản xuất**

### **a) Yêu cầu của tiêu chí**

- Chỉ tiêu 1: Có mô hình liên kết chuỗi cho sản phẩm nông nghiệp chủ lực gắn với kinh tế tuần hoàn và sử dụng công nghệ cao ( $\geq 1$ ).

- Chỉ tiêu 2: Ít nhất 01 HTX nông nghiệp sử dụng công nghệ thông tin trong quản lý và điều hành.

- Chỉ tiêu 3: Có sản phẩm OCOP được xếp hạng đạt chuẩn  $\geq 3$  sao hoặc tương đương còn thời hạn ( $\geq 2$ ).

- Chỉ tiêu 4: Có tỷ lệ sản phẩm OCOP hoặc sản phẩm chủ lực của xã bán qua kênh thương mại điện tử (10%).

### **b) Kết quả thực hiện**

- Chỉ tiêu 1: Xã có 1 mô hình liên kết chuỗi cho sản phẩm nông nghiệp chủ lực sử dụng công nghệ cao trên sản phẩm kẹo dừa sấp của công ty TNHH chế biến dừa sấp Cầu Kè (VICOSAP).

Ngoài ra đối với sản phẩm cây ăn trái Hợp tác xã phối hợp với đại lý giống, phân bón cung cấp nguồn nguyên liệu đầu vào là cây giống, thuốc bảo vệ thực vật, phân bón, hỗ trợ kỹ thuật trồng... đồng thời tiêu thụ nông sản ở đầu ra cho thành viên Hợp tác xã. Trên cơ sở xây dựng VietGap trên cam với 10 ha, có 13 thành viên tham gia có xây dựng phương án tiêu thụ sản phẩm và được giới thiệu để bao tiêu sản phẩm đối với các diện tích tham gia VietGap.

Thành viên Hợp tác xã sử dụng máy chế xít thuốc tự động, tưới nước tự động, tưới phân tự động góp phần giảm công lao động đem lại hiệu quả kinh tế cao.

Đối với HTX Nông nghiệp Thạnh Phú có liên kết với nhà máy xay xát lúa gạo để liên kết bao tiêu sản phẩm và liên kết với HTX Châu Điền phun thuốc bằng máy bay không người lái để thực hiện vụ Hè Thu 2023, Thu Đông 2023 và Đông xuân 2023 - 2024.

- Chỉ tiêu 2: Xã có 02 HTX hoạt động có hiệu quả khá, sử dụng nền tảng số trong quản lý và điều hành như: phần mềm kế toán, xuất hóa đơn điện tử trong quá trình hoạt động kinh doanh...

- Chỉ tiêu 3: Xã có 11 sản phẩm OCOP được công nhận trong đó 01 sản phẩm đạt 5 sao (dừa sáo sợi VICOSAP), 07 sản phẩm 4 sao tiềm năng 5 sao (*Kẹo dừa sáo vị nguyên chất, Kẹo dừa sáo vị lá dứa, Kẹo dừa sáo vị cacao, Dừa sáo trái hút chân không; Dừa sáo sấy giòn tan và SP sữa chua dừa sáo vicosap giòn tan, kẹo chuối gân vicosap*); 03 sản phẩm mới công nhận 3 sao: *Bánh vicosap Dừa sáo và khoai lang, Bánh vicosap Dừa sáo và bí đỏ, Bánh vicosap Dừa sáo và chuối* của công ty TNHH chế biến dừa sáo Cầu Kè tại ấp 2. Công ty có sử dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong sản xuất, phân phối, kinh doanh các sản phẩm (bán sản phẩm qua kênh thương mại điện tử: SENDO, LAZADA, có trang web riêng và phối hợp với các ban ngành đoàn thể xã đăng tải trên các ứng dụng zalo, facebook,... để giới thiệu và bán hàng).

- Chỉ tiêu 4: Các sản phẩm OCOP công ty TNHH chế biến dừa sáo Cầu Kè đều có đăng ký bán qua kênh thương mại điện tử. Bên cạnh đó sản phẩm chủ lực của xã được xác định hiện nay cây cam. Hiện nay, xã có HTX Cây ăn trái an toàn Thạnh Phú và có đủ pháp nhân hoạt động và được chứng nhận VietGap, sản phẩm thu hoạch được các thành viên và người dân thường xuyên đăng tải trên mạng xã hội, tham gia các cuộc xúc tiến thương mại, các tổ chức hội nhóm trên các trang mạng để tìm đầu ra cho sản phẩm, từ đó sản phẩm cung cấp ra thị trường với giá cả tương đối ổn định.

\* Tổng kinh phí thực hiện: 0,75 tỷ đồng. Trong đó:

- Ngân sách huyện: 0, 161 tỷ đồng
- Huy động Doanh nghiệp: 0,359 tỷ đồng;
- Nhân dân đóng góp: 0,23 tỷ đồng.

**c) Tự đánh giá:** Đạt tiêu chí về Sản xuất.

### **6.3. Tiêu chí số 3 về Cảnh quan môi trường**

#### **a) Yêu cầu của tiêu chí:**

- Chỉ tiêu 1. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo qui định (96%).

- Chỉ tiêu 2. Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn ( $\geq 6m^2$ /người).

- Chỉ tiêu 3. Có tuyến đường trồng chuyên biệt hoặc trồng kết hợp cây xanh, cây cảnh, hoa nhưng có một loại chủ đạo, đảm bảo sáng, xanh, sạch, đẹp, nổi trội. (Chiều dài  $\geq 2$ km).

- Chỉ tiêu 4. Có mô hình phân loại, thu gom và xử lý rác thải sinh hoạt và mô hình tái chế chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp ( $\geq 1$ )

**b) Kết quả thực hiện tiêu chí:**

- Chỉ tiêu 1. Chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định. Cụ thể như sau:

Tổng khối lượng chất thải rắn trên địa bàn xã phát sinh khoảng **3.145,05 kg/ngày** (trong đó, chất thải rắn sinh hoạt 2.940 kg, chất thải rắn nông nghiệp 205 kg, chất thải rắn y tế 0,05 kg); khối lượng được thu gom, xử lý theo quy định **3.075,05 kg/ngày** đạt 97,8 % (trong đó, chất thải rắn sinh hoạt 2,87 tấn, đạt 97,6 %; chất thải rắn nông nghiệp 205 kg, đạt 100%; chất thải rắn y tế 0,05 kg đạt 100 %). Cụ thể như sau:

- **Đối với rác thải sinh hoạt phát sinh khoảng: 2,94 tấn/ngày** (*tương đương 6.538 người\*0,45 kg/ ngày*).

Xã bố trí 40 thùng chứa rác thải sinh hoạt loại 120 và 240 lít và ký hợp đồng với công ty Đức Huy tại Hợp đồng số 21/HĐ-TGVN-RAC ngày 01/4/2021 để thu gom rác thải sinh hoạt của xã tại các hộ gia đình tuyến tỉnh lộ 911, khu vực chợ, Ủy ban nhân dân xã và các cơ quan đóng trên địa bàn xã, vận chuyển bằng xe chuyên dụng, số lượt lấy là 02 ngày/lần về bãi rác tập trung của huyện Cầu Kè, lượng rác thu gom trung bình mỗi ngày được 0,9 tấn. Song song đó, xã có một mô hình xử lý rác thải sinh hoạt tại hộ gia đình với 20 hộ thực hiện, 01 mô hình ủ phân hữu cơ từ phụ phẩm ngành trồng trọt, rác thải sinh hoạt hữu cơ để làm phân bón là 30 hộ, lượng rác thải sinh hoạt được xử lý hàng ngày của các hộ này được 0,07 tấn (*tương đương 163 người\*0,45 kg*); có 1.262 hộ gia đình tự xử lý bằng các biện pháp phù hợp đảm bảo hợp vệ sinh: 1,9 tấn (*tương đương 4.221 người\*0,45 kg*). Như vậy trung bình mỗi ngày lượng rác thải sinh hoạt được thu gom và xử lý trên địa bàn xã được 2,87 tấn/2,94 tấn, đạt 97,6 % lượng rác thải sinh hoạt trong toàn xã.

Đối với các hộ ở xa tuyến đường chính, xe rác không tới thu gom được, UBND xã vận động hộ phân loại và xử lý rác bằng các biện pháp phù hợp như đào hố chôn hoặc ủ làm phân bón, đảm bảo không vứt ra môi trường xung quanh gây ô nhiễm.

- **Về thu gom xử lý chất thải rắn không nguy hại:** bao gồm chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn xây dựng; phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, xử lý theo quy định:

+ Chất thải rắn công nghiệp thông thường được phân loại, lưu giữ, vận chuyển, xử lý đúng quy định.

+ Chất thải rắn xây dựng: ước phát sinh khoảng 190 tấn từ hoạt động xây dựng và cải tạo cơ quan, trường học nhà ở hộ gia đình, chuồng trại vật nuôi,... còn giá trị

sử dụng được tái chế, tái sử dụng theo quy định; đất, đá, chất thải rắn từ hoạt động xây dựng được tái sử dụng làm vật liệu xây dựng, san lấp mặt bằng theo quy định, không ảnh hưởng đến cảnh quan, môi trường.

+ Phụ phẩm nông nghiệp: là sản phẩm phụ phát sinh trong quá trình chăm sóc, thu hoạch, sơ chế sản phẩm cây trồng và sản phẩm cây trồng tại khu vực canh tác. Phụ phẩm nông nghiệp phát sinh hàng năm khoảng 20 tấn, được người dân tái sử dụng và tái chế bằng các biện pháp như: làm thức ăn gia súc, ủ thành phân hữu cơ truyền thống được sử dụng để làm phân bón cho cây trồng; làm vật liệu độn chuồng, đệm lót sinh học trong chăn nuôi; làm giá thể trồng nấm, trồng cây; sử dụng trực tiếp: cày vùi, che phủ gốc cây trồng, che phủ đất.

- Chỉ tiêu 2. Dọc hai bên các tuyến đường chính, đường liên ấp, trục ấp, các hộ gia đình và các khu vực công cộng như các cơ quan, trường học trên địa bàn xã đều có trồng cây cảnh, hoa làm hàng rào cổng và sân vườn,... Đường làng, ngõ xóm, cảnh quan từng hộ xanh – sạch – đẹp, không có hoạt động làm suy giảm môi trường và được vệ sinh thường xuyên, sạch sẽ. Xã vận động dân thu gom và xử lý rác thải sinh hoạt tại hộ gia đình, tổ chức trồng hoa kiểng của 4 ấp, các hộ dân cải tạo vườn, chỉnh trang cắt tỉa lại hàng rào cây xanh, xây dựng hàng rào bê tông không gây cản trở giao thông 2 bên tỉnh lộ 911, hương lộ 33 và các tuyến đường đal (chiếm tỷ lệ: 76,74%). Diện tích cây xanh trên đầu người (bao gồm cả cây bóng mát, cây cảnh, hoa và thảm cỏ,...). có 41.125 m<sup>2</sup>/6.541 người, chiếm 6,3 m<sup>2</sup>/người.

- Chỉ tiêu 3. Trên địa bàn xã có 02 tuyến đường đáp ứng được các nội dung theo yêu cầu tiêu chí với tổng chiều dài 9,4 km.

+ Tuyến Tỉnh lộ 911 với chiều dài 7,2 km

Phía trên được trồng cây chuyên biệt là cây điệp thái kết hợp Hoàng Yến, tán cây thường xuyên được cắt tỉa gọn gàng. Đảm bảo không gây cản trở tầm nhìn của người và phương tiện lưu thông cũng như an toàn cho các hộ dân trong khu vực.

Phía dưới có trồng các loại hoa, cỏ như huỳnh anh, cây lá đỏ, chiều tím, cỏ đậu phộng...tạo vẻ mỹ quan cho tuyến đường.

+ Tuyến đường huyện 33 với chiều dài 2,2 km nối dài qua tỉnh lộ 911 đến công ty Phú Thành chiều dài hơn 3km, xã đã đầu tư trồng mới 1.900 cây cau ăn trái Ngoài ra, địa phương còn lắp đặt hệ thống đèn năng lượng trên toàn tuyến TL 911, đảm bảo tuyến đường được sáng – xanh – sạch – đẹp – an toàn. Đối với tuyến Hương lộ 33 lắp đặt đèn điện chiếu sáng đảm bảo an toàn.

- Chỉ tiêu 3.4. Xã có 04 mô hình gia đình ” 5 có, 3 sạch” gắn với phân loại rác thải sinh hoạt tại HGD của chi hội phụ nữ 4 ấp, 01 mô hình ngôi nhà tái chế vì phụ nữ và trẻ em nghèo và 01 Mô hình tái chế chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp thành phân bón cho cây trồng tại ấp 4 gắn với chi hội nghề nghiệp nuôi bò sinh sản; 01 mô hình ngôi nhà tái chế của Trường THCS Thạnh Phú.



Kết quả hoạt động của các mô hình được UBND xã đánh giá chất lượng hoạt động tốt.

\* Tổng kinh phí thực hiện: 0,4 tỷ đồng. Trong đó:

- Ngân sách huyện: 0,039 tỷ đồng
- Huy động Doanh nghiệp: 0,02 tỷ đồng;
- Nhân dân đóng góp: 0, 341 tỷ đồng.

c) **Đánh giá:** Đạt tiêu chí về Cảnh quan môi trường.

#### **6.4. Tiêu chí số 4 về Chuyển đổi số**

##### **a) Yêu cầu của tiêu chí:**

- Chỉ tiêu 1. Tỷ lệ dịch vụ công đủ điều kiện được cung cấp mức độ 4 (100%).
- Chỉ tiêu 2. Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến trên tổng số hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính của xã đạt tối thiểu 60%.
  - Chỉ tiêu 3: Có ít nhất 90% cán bộ/công chức/viên chức của bộ phận một cửa được đánh giá qua công dịch vụ công ở mức 4 và 5 (theo thang 5 mức độ: 1 = rất không hài lòng, 2 = không hài lòng, 3 = bình thường, 4 = hài lòng và 5 = rất hài lòng) về dịch vụ hành chính công điện tử.
  - Chỉ tiêu 4: Trên 90% doanh nghiệp tham gia đánh giá xác định mức độ chuyển đổi số trên Cổng thông tin chỉ số chuyển đổi số doanh nghiệp (*dbi.gov.vn*); tối thiểu 30% doanh nghiệp áp dụng ít nhất 01 nền tảng số phục vụ hoạt động, sản xuất kinh doanh.
  - Chỉ tiêu 5: Xã có Tổ công nghệ số cộng đồng.
  - Chỉ tiêu 6: Tỷ lệ các cơ sở dân sinh, kinh tế - xã hội được gán địa chỉ số trên nền tảng địa chỉ số quốc gia gắn với bản đồ số ( $\geq 50\%$ ).

##### **b) Kết quả thực hiện tiêu chí**

- Chỉ tiêu 1. Xã có dịch vụ công đủ điều kiện được cung cấp ở mức độ 4.
- Chỉ tiêu 2. Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến trên tổng số hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính của xã đạt tối thiểu 60%. Xã đang tiếp tục triển khai thực hiện và đến nay đạt 61%.
  - Chỉ tiêu 3: Cán bộ, công chức của bộ phận một cửa có 4 công chức, hàng quý điều được đánh giá đạt ở mức 4 và 5 về dịch vụ hành chính công điện tử.
  - Chỉ tiêu 4: Xã có 23 công ty, doanh nghiệp tham gia đánh giá xác định mức độ chuyển đổi số trên cổng thông tin chỉ số chuyển đổi số doanh nghiệp (*dbi.gov.vn*); Có 100% doanh nghiệp áp dụng nền tảng số quản lý tài chính phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.
  - Chỉ tiêu 5: Xã có Tổ công nghệ số cộng đồng: UBND xã đã thành lập 04 Tổ Công nghệ số cộng đồng trên địa bàn 04 ấp (có Quyết định của Ủy ban nhân dân xã thành lập các tổ công nghệ số cộng đồng trên địa bàn xã).



- Chỉ tiêu 6: Trên địa bàn xã có 10 cơ sở dân sinh, kinh tế - xã hội gồm: trường học, trạm y tế, bưu điện, nhà văn hóa xã, ấp...(có công văn số 2534/BTTTT-KHTC ngày 30/6/2023 của Bộ Thông tin và truyền thông về áp dụng chỉ tiêu 4đ tại phụ lục kèm theo Quyết định 1124/QĐ-BTTTT).

\* Tổng kinh phí thực hiện: 2,75 tỷ đồng. Trong đó:

- Vốn lòng ghép: 0,3 tỷ đồng;
- Huy động Doanh nghiệp: 1,6 tỷ đồng;
- Nhân dân đóng góp: 0,85 tỷ đồng.

c) **Đánh giá:** Đạt tiêu chí về Chuyển đổi số.

*\* Ngoài những nội dung giữ vững 19/19 tiêu chí nông thôn mới nâng cao và 04 tiêu chí chung nêu trên, xã đăng ký kiểu mẫu về tiêu chí Sản xuất, kết quả cụ thể như sau:*

### **Tiêu chí 6: Sản xuất**

#### **a) Yêu cầu của tiêu chí**

- Chỉ tiêu 1: Có mô hình liên kết chuỗi cho sản phẩm nông nghiệp chủ lực gắn với kinh tế tuần hoàn và sử dụng công nghệ cao  $\geq 2$ .
- Chỉ tiêu 2: Ít nhất 02 hợp tác xã nông nghiệp sử dụng nền tảng số trong quản lý và điều hành.
- Chỉ tiêu 3: Có sản phẩm OCOP được xếp hạng đạt chuẩn  $\geq 4$  sao hoặc tương đương còn thời hạn  $\geq 2$ .
- Chỉ tiêu 4: Tỷ lệ sản phẩm chủ lực hoặc sản phẩm OCOP của xã được bán qua kênh thương mại điện tử (20%).

#### **b) Kết quả thực hiện**

- Chỉ tiêu 1: Xã có 1 mô hình liên kết chuỗi cho sản phẩm nông nghiệp chủ lực sử dụng công nghệ cao trên sản phẩm kẹo dừa sấp của công ty TNHH chế biến dừa sấp Cầu Kè (VICOSAP).

Ngoài ra đối với sản phẩm cây ăn trái Hợp tác xã phối hợp với đại lý giống, phân bón cung cấp nguồn nguyên liệu đầu vào là cây giống, thuốc bảo vệ thực vật, phân bón, hỗ trợ kỹ thuật trồng... đồng thời tiêu thụ nông sản ở đầu ra cho thành viên Hợp tác xã. HTX Cây ăn trái thực hành mô hình sản xuất nông nghiệp tốt Viet Gap và đã được chứng nhận VietGap trên cam với 10 ha, có 13 thành viên tham gia và có phương án tiêu thụ sản phẩm đối với các diện tích tham gia VietGap.

Thành viên Hợp tác xã Cây ăn trái sử dụng máy chế xít thuốc tự động, tưới nước tự động, tưới phân tự động góp phần giảm công lao động đem lại hiệu quả kinh tế cao.

HTX Nông nghiệp Thạnh Phú trong vụ Hè Thu 2023, Thu Đông 2023 và Đông xuân 2023-2024, ký kết hợp đồng liên kết sản xuất lúa thương phẩm và bao tiêu đầu ra với Nhà máy xay sát lúa tại Cầu Ngang, đã gieo sạ và áp dụng xịt thuốc bằng máy bay.

- Chi tiêu 2: Xã có 02 HTX hoạt động có hiệu quả khá, sử dụng nền tảng số trong quản lý và điều hành như: phần mềm kế toán, xuất hóa đơn điện tử, chữ ký số TOKEN trong quá trình hoạt động kinh doanh.

- Chi tiêu 3: Xã có 11 sản phẩm OCOP được công nhận trong đó 01 sản phẩm đạt 5 sao (dừa sáp sợi VICOSAP), 07 sản phẩm 4 sao tiềm năng 5 sao (*Kẹo dừa sáp vị nguyên chất, Kẹo dừa sáp vị lá dứa, Kẹo dừa sáp vị cacao, Dừa sáp trái hút chân không; Dừa sáp sấy giòn tan và SP sữa chua dừa sáp vicosap giòn tan, kẹo chuối gân vicosap*); 03 sản phẩm mới công nhận 3 sao: *Bánh vicosap Dừa sáp và khoai lang, Bánh vicosap Dừa sáp và bí đỏ, Bánh vicosap Dừa sáp và chuối* của công ty TNHH chế biến dừa sáp Cầu Kè tại ấp 2. Công ty có sử dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong sản xuất, phân phối, kinh doanh các sản phẩm (bán sản phẩm qua kênh thương mại điện tử: SENDO, LAZADA, có trang web riêng và phối hợp với các ban ngành đoàn thể xã đăng tải trên các ứng dụng zalo, facebook,... để giới thiệu và bán hàng).

- Chi tiêu 4: 100% Các sản phẩm OCOP công ty TNHH chế biến dừa sáp Cầu Kè đều có đăng ký bán qua kênh thương mại điện tử. Bên cạnh đó sản phẩm chủ lực của xã được xác định hiện nay cây cam. Hiện nay, xã có HTX Cây ăn trái an toàn Thạnh Phú và có đủ pháp nhân hoạt động và được chứng nhận VietGap, sản phẩm thu hoạch được các thành viên và người dân thường xuyên đăng tải trên mạng xã hội, tham gia các cuộc xúc tiến thương mại, các tổ chức hội nhóm trên các trang mạng để tìm đầu ra cho sản phẩm, từ đó sản phẩm cung cấp ra thị trường với giá cả tương đối ổn định.

**c) Đánh giá:** Đạt tiêu chí về Sản xuất.

\* Tổng kinh phí thực hiện: 0,75 tỷ đồng. Trong đó:

- Ngân sách huyện: 0, 161 tỷ đồng

- Huy động Doanh nghiệp: 0,359 tỷ đồng;

- Nhân dân đóng góp: 0,23 tỷ đồng.

**7. Về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới:**  
Đến nay, trên địa bàn xã Thạnh Phú không có nợ đọng đối với các công trình xây dựng cơ bản và các công trình có liên quan đến công tác xây dựng nông thôn mới và nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu.

## **II. KẾT LUẬN**

**1. Về hồ sơ:** Ủy ban nhân xã thực hiện đầy đủ hồ sơ theo quy định tại Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ, có hồ sơ chứng minh cho mức độ đạt của từng tiêu chí.

## **2. Về kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới**

Tổng số tiêu chí nông thôn mới kiểu mẫu của xã Thạnh Phú đã được Đoàn Thẩm tra của UBND huyện thẩm tra đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu tính đến thời điểm thẩm tra là: Xã hoàn thành 4/4 tiêu chí chung và tiêu chí kiểu mẫu về Sản xuất, đạt 100%.

## **3. Về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới:**

Tính đến thời điểm được Đoàn Thẩm tra của UBND huyện thẩm tra xã Thạnh Phú không có nợ đọng đối với các công trình xây dựng cơ bản và các công trình có liên quan đến công tác xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn xã.

Qua thẩm tra hồ sơ và kiểm tra thực tế về mức độ đạt các tiêu chí nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn xã Thạnh Phú, xã đủ điều kiện đề nghị xét, công nhận đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu năm 2023.

## **III. KIẾN NGHỊ**

Ủy ban nhân dân huyện Cầu Kè kính đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh thẩm định, xét, công nhận xã Thạnh Phú đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu năm 2023.

Trên đây là báo cáo của Ủy ban nhân dân huyện Cầu Kè về kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu về Sản xuất đến năm 2023 đối với xã Thạnh Phú, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh./.

### ***Nơi nhận:***

- UBND tỉnh (b/c);
- TT.BCĐ tỉnh (b/c);
- VPĐP NTM tỉnh (b/c);
- CT, các PCT.UBND huyện;
- BCĐ huyện;
- Văn phòng NTM huyện;
- UBND các xã;
- Lưu VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Trần Phong Ba**



**BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ THẨM TRA MỨC ĐỘ ĐẠT CHUẨN  
CÁC TIÊU CHÍ XÃ NÔNG THÔN MỚI KIỂU MẪU SẢN XUẤT  
ĐẾN NĂM 2023**

**đối với xã Thạnh Phú, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh**

*(Kèm theo Báo cáo số 58/BC-UBND ngày 11 tháng 10 năm 2023 của  
UBND huyện Cầu Kè)*

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Tiêu chuẩn đạt chuẩn	Kết quả tự đánh giá của xã	Kết quả thẩm tra của huyện
1	<b>Mô hình áp thông minh</b>	1.1. Có mô hình kinh tế được thực hiện tự động hóa từ 80% trở lên các công đoạn hoặc mô hình sản xuất nông nghiệp có hệ thống tưới tự động theo hướng tuần hoàn.	Đạt	Đạt	Đạt
		1.2. Người dân tiếp cận được thông tin (về chủ trương, chính sách, an ninh trật tự, khoa học kỹ thuật, thủ tục hành chính, hoặc tiền điện, nước,...) trên app điện thoại thông minh, Cổng thông tin điện tử tỉnh Trà Vinh, mạng xã hội chính thống.	≥80%	Đạt	Đạt
		1.3. Ít nhất 90% hộ dân thanh toán tiền điện hoặc tiền nước không bằng tiền mặt hoặc ít nhất 80% hộ sơ được nộp trực tuyến.	Đạt	Đạt	Đạt
2	<b>Sản xuất</b>	2.1. Có mô hình liên kết chuỗi cho sản phẩm nông nghiệp chủ lực gắn với kinh tế tuần hoàn và sử dụng công nghệ cao.	≥1	Đạt	Đạt
		2.2. Ít nhất 01 HTX nông nghiệp sử dụng công nghệ thông tin trong quản lý và điều hành.	Đạt	Đạt	Đạt
		2.3. Có sản phẩm OCOP được xếp hạng đạt chuẩn ≥ 3 sao hoặc tương đương còn thời hạn.	≥2	Đạt	Đạt
		2.4. Có tỷ lệ sản phẩm OCOP hoặc sản phẩm chủ lực của xã bán qua	10%	Đạt	Đạt



		kênh thương mại điện tử.			
3	<b>Cảnh quan môi trường</b>	3.1. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo qui định.	$\geq 96\%$	Đạt	Đạt
		3.2. Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn.	$\geq 6\text{m}^2/\text{người}$	Đạt	Đạt
		3.3. Có tuyến đường trồng chuyên biệt hoặc trồng kết hợp cây xanh, cây cảnh, hoa nhưng có một loại chủ đạo, đảm bảo sáng, xanh, sạch, đẹp, nổi trội.	Chiều dài $\geq 2\text{km}$	Đạt	Đạt
		3.4. Có mô hình phân loại, thu gom và xử lý rác thải sinh hoạt và mô hình tái chế chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp.	$\geq 1$ mô hình	Đạt	Đạt
4	<b>Chuyển đổi số</b>	4.1. Tỷ lệ dịch vụ công đủ điều kiện được cung cấp mức độ 4.	100%	Đạt	Đạt
		4.2. Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến trên tổng số hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính của xã đạt tối thiểu 60%.	Đạt	Đạt	Đạt
		4.3. Có ít nhất 90% cán bộ/công chức/viên chức của bộ phận một cửa được đánh giá qua cổng dịch vụ công ở mức 4 và 5 (theo thang 5 mức độ: 1 = rất không hài lòng, 2 = không hài lòng, 3 = bình thường, 4 = hài lòng và 5 = rất hài lòng) về dịch vụ hành chính công điện tử.	Đạt	Đạt	Đạt
		4.4. Trên 90% doanh nghiệp tham gia đánh giá xác định mức độ chuyển đổi số trên Cổng thông tin chỉ số chuyển đổi số doanh nghiệp ( <i>dbi.gov.vn</i> ); tối thiểu 30% doanh nghiệp áp dụng ít nhất 01 nền tảng số phục vụ hoạt động, sản xuất kinh doanh.	Đạt	Đạt	Đạt

		4.5. Xã có Tổ công nghệ số cộng đồng.	Đạt	Đạt	Đạt
		4.6. Tỷ lệ các cơ sở dân sinh, kinh tế - xã hội được gán địa chỉ số trên nền tảng địa chỉ số quốc gia gắn với bản đồ số.	$\geq 50\%$	Đạt	Đạt
<b>Tiêu chí kiểu mẫu về Sản xuất</b>					
6	Sản xuất	6.1. Có mô hình liên kết chuỗi cho sản phẩm nông nghiệp chủ lực gắn với kinh tế tuần hoàn và sử dụng công nghệ cao.	$\geq 2$	Đạt	Đạt
		5.2. Ít nhất 02 hợp tác xã nông nghiệp sử dụng nền tảng số trong quản lý và điều hành.	Đạt	Đạt	Đạt
		6.3. Có sản phẩm OCOP được xếp hạng đạt chuẩn $\geq 4$ sao hoặc tương đương còn thời hạn.	$\geq 2$	Đạt	Đạt
		6.4. Tỷ lệ sản phẩm chủ lực hoặc sản phẩm OCOP của xã được bán qua kênh thương mại điện tử.	20%	Đạt	Đạt





